TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 508/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 05/12/2022
V/v: "*Tranh chấp Hôn nhân & Gia đình, ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Sang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Phước Tân;

Bà Lê Bích Loan.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Ngô Quang Khải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 425/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022 về việc "*Tranh chấp Hôn nhân & Gia đình, ly hô*n" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 758/2022/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 793/2022/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 1996; địa chỉ: Tổ 07, khóm V, thị trấn V, huyện C, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Dương Văn K, sinh năm 1989; địa chỉ: Tổ 24, ấp B, xã N, huyện A, tỉnh An Giang.

(Bà Tiên, ông Khanh vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện cùng với các tài liệu, chứng cứ kèm theo và quá trình tố tụng tại Tòa án, bà Nguyễn Thị Cẩm T trình bày: Hôn nhân giữa bà T với ông K là do hai bên tự tìm hiểu, được cha mẹ hai bên đồng ý, tổ chức lễ cưới vào năm 2015, có đăng ký kết hôn vào năm 2016 tại UBND xã Nh, huyện A, tỉnh An Giang. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã, ông K đi làm thuê ở Sài Gòn và cắt đức liên lạc với gia đình. Bà T thấy mân thuẫn giữa bà và ông K đã trầm trọng nên sống ly thân từ tháng 02/2022 cho đến nay.

Từ khi ly thân đến nay, ông K không liên lạc với gia đình, không thăm nom con, gia đình hai bên cũng khuyên ngăn, hàn gắn tình cảm cho bà và ông K nhưng bà thấy mình không còn tình cảm với ông K và không thể chung sống với nhau nên bà xin được ly hôn với ông K.

Về con chung: Có 01 con chung tên Dương Nguyễn Yến N, sinh ngày 28/11/2016, hiện do bà T nuôi dạy. Khi ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong vụ án này kể từ khi thụ lý cho đến khi Tòa án ra thông báo phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ thì ông K vẫn vắng mặt, Hội đồng xét xử (HĐXX) nghĩ nên cần tiến hành việc xét xử mà không qua thủ tục hòa giải.

Tòa án tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ để các bên tiếp cận, đương sự thống nhất với những tài liệu, chứng cứ mà mình cung cấp, không bổ sung thêm.

Biên bản xác minh ngày 27/10/2022 người thân bà T cung cấp: Nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà T, ông K là do ông K đi làm thuê ở Sài Gòn nhưng không liên lạc thăm hỏi vợ con, cả hai không quan tâm đến nhau nên khả năng đoàn tụ là không thể; về con chung thì có một con chung; tài sản chung, nợ chung bà không biết.

Theo thông báo ngày 27/10/2022, ông Ngô Phi H – Phó Trưởng Công an xã P cung cấp: Hiện ông Dương Văn K vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương.

Tại phiên toà hôm nay: Bà T vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Ông K vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

Quan điểm đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi; thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào các chứng cứ trong hồ sợ vụ án cho thấy hôn nhân của bà T, ông K có mâu thuẫn trầm trọng, thời gian ly thân đã lâu nhưng hai bên không có thiện chí hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Để đảm bảo điều kiện cho con chung phát triển và ổn định về tâm sinh lý của cháu sau này được tốt nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T, giao con chung cho bà T được tiếp tục nuôi dạy.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Theo quy định của pháp luật, bên không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, do bà T không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện của bà T.

Về tài sản chung, nợ chung: Do đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bà T yêu cầu được ly hôn với ông K. Ông K cư trú tại huyện A, tỉnh An Giang nên được Tòa án thụ lý giải quyết theo Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bà T vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, ông K được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông K theo Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự trong quá trình tố tụng thể hiện: Quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông K do tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới vào năm 2015 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện A, tỉnh An Giang theo Giấy chứng chứng nhận đăng ký kết hôn số: 116 vào ngày 13/10/2016 nên làm phát sinh giá trị pháp lý theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu của bà T xin ly hôn với ông K. Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông K phát sinh từ đầu năm 2022 nhưng đến nay cả hai không có giải pháp hàn gắn. Hiện tại bà T và ông K đã sống ly thân nhau. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã hòa giải đoàn tụ cho cả hai nhưng ông K không có mặt để hàn gắn. Cho thấy, mâu thuẫn tình cảm giữa hai bên đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà T là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Có 01 con chung tên Dương Nguyễn Yến N, sinh ngày 28/11/2016, hiện do bà T nuôi dạy. Khi ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con chung. Xét thấy, cháu N đang sống với bà T, để đảm bảo điều kiện cho con chung phát triển và ổn định về tâm sinh lý của cháu sau này được tốt nên căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao cháu N cho bà T được tiếp tục nuôi dạy.

Về cấp dưỡng: Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn cha hoặc mẹ là người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, bà T không yêu cầu nên Hội đồng xét thấy nên công nhận sự tự nguyện của đương sự.

Hội đồng xét xử cũng giải thích cho các đương sự biết: Bà T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông K trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí*: Bà T phải chịu án phí hôn nhân & gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Các Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Các Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Cẩm T.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Cẩm T được ly hôn với ông Dương Văn K.

Giấy chứng nhận kết hôn số 116, ngày 13/10/2016 của Ủy ban nhân dân xã N, huyện A, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Cẩm T được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Dương Nguyễn Yến N, sinh ngày 28/11/2016.

Công nhận sự tự nguyện của bà T về việc không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà T cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông K trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con dựa trên các căn cứ theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Cẩm T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Số tiền này được chuyển từ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn) đồng mà bà T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A theo biên lai thu số: 0007162 ngày 04/10/2022.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

(*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự).*

Nơi nhận:
- VKSND huyện (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện (1);
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn (1);
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Sang